



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

VIMĀNAVATTHUPĀḶI

&

CHUYỆN THIÊN CUNG

3. 3.

308. Pallāṅkasetṭhe maṇiṣoṇṇacitte pupphābhikiṇṇe sayane uḷāre,
tattacchasi devi mahānubhāve uccāvaca iddhi vikubbamānā.
309. Imā ca te accharāyo samantato
naccanti gāyanti pamodayanti,
deviddhipattāsi mahānubhāve
manussabhūtā kimakāsi puññaṃ,
kenāsi evaṃ jalitānubhāvā
vaṇṇo ca te sabbadisā pabhāsati 'ti.
310. Ahaṃ manussesu manussabhūtā
aḍḍhe kule suṇisā ahoṣiṃ,
akkodhanā bhattuvasānuvattinī
ahoṣiṃ appamattā uposathe.¹
311. Manussabhūtā daharās' apāpikā²
pasannacittā patimābhirādhayim,
divā ca ratto ca manāpacāriṇī
ahaṃ pure sīlavatī ahoṣiṃ.
312. Pāṇātipātā viratā acorikā³ saṃsuddhakāyā sucibrahmacāriṇī,
amajjapā no ca musā abhāṇim⁴ sikkhāpadesu paripūrakāriṇī.
313. Cātuddasiṃ pañcadasiṃ yā ca pakkhassa aṭṭhamī
pāṭihāriyapakkhañca pasannamānasā ahaṃ,
aṭṭhaṅgupetaṃ anudhammacāriṇī
uposathaṃ pītimānā upāvasiṃ.
314. Imañcāriyaṭṭhaṅgavarehupetaṃ⁵
samādiyivā⁶ kusalaṃ sukhudrayaṃ,
patimhi kalyāṇī vasānuvattinī⁷
ahoṣiṃ pubbe sugatassa sāvika.
315. Etādisaṃ kusalaṃ jīvaloke
kammaṃ karitvāna visesabhāginī,
kāyassa bheda abhisamparāyaṃ
deviddhipattā sugatimhi āgatā.
316. Vimānapāsādavare manorame
parivāritā accharāsaṅgaṇena,
sayampabhā devagaṇā ramenti⁸ maṃ
dīghāyukim devavimānamāgatan 'ti.

Pallāṅkavimānaṃ.

¹ appamattā uposathe ahoṣiṃ - Ma;
appamattā uposathe - Syā, PTS.

² daharā apāpikā - Ma, Syā, PTS.

³ acoriyā - Syā.

⁴ amajjapānā ca musā abhāṇi- Syā.

⁵ imañca ariyaṃ aṭṭhaṅgavarehupetaṃ - Ma.

⁶ samādayivā - Syā.

⁷ kalyāṇavasānuvattinī - Syā.

⁸ ramanti - Syā.

⁹ accimati - Ma, PTS; acchimuti - Syā.

¹⁰ sobhitā - Syā.

¹¹ sītodakaṃ - Ma, Syā, PTS.

¹² nhāyivā - Ma, Syā, PTS.

¹³ rametvā - Ma, ramitvā - Syā.

¹⁴ naccitvā gāyivā - Ma, Syā.

¹⁵ bravi - Ma, Syā, PTS.

3. 3.

308. Hỡi nàng tiên có đại oai lực, tại chiếc ghế dài hạng nhất được tô điểm với ngọc ma-ni và vàng, ở chỗ nằm cao sang được rải rắc với những bông hoa, nàng ngự ở nơi ấy, đang biến hóa thân thông cao thấp đa dạng.

309. Và nàng có các tiên nữ này nhảy múa, ca hát, làm trò tiêu khiển ở xung quanh. Hỡi nàng có đại oai lực, nàng đã đạt được thần thông của chư Thiên. Khi là con người nàng đã làm việc phước gì? Do điều gì mà nàng có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của nàng chiếu sáng tất cả các phương?”

310. “Tôi, khi là con người ở giữa nhân loại, đã là con dâu ở gia đình giàu có. Tôi đã không có giận dữ, có sự tuân theo lệnh của chồng, không xao lãng trong ngày trai giới.

311. Khi là con người, trẻ tuổi, không ác độc, có tâm tịnh tín, tôi đã làm hài lòng người chồng. Có lối cư xử vui vẻ vào ban ngày và ban đêm, tôi đã là người có giữ giới trong quá khứ.

312. Là người đã kiêng chừa việc giết hại mạng sống, không phải kẻ trộm cắp, có thân (nghiệp) hoàn toàn trong sạch, có việc thực hành Phạm hạnh thanh tịnh, không có việc uống chất say, và tôi đã không nói lời dối trá, là người có sự thực hành đầy đủ trọn vẹn về các điều học.

313. Vào ngày mười bốn, ngày mười lăm, ngày mùng tám của mỗi nửa tháng, và những ngày phụ trội của nửa tháng, với tâm ý tịnh tín, có sự thực hành thuận theo Pháp, với tâm ý hoan hỷ, tôi đã hành trì ngày trai giới gồm có tám yếu tố.

314. Và sau khi thọ trì thiện pháp gồm có tám yếu tố cao quý, Thánh thiện, đem lại an lạc này, là người nữ yêu kiều, có sự tuân theo lệnh của chồng, tôi đã là nữ Thịnh Văn của đấng Thiện Thệ ở thời quá khứ.

315. Sau khi tạo ra nghiệp thiện như thế này ở đời sống, tôi là người nữ có được phần giác ngộ. Do sự tan rã của thân xác, vào kiếp sống kế tiếp, tôi đã đạt được thần thông của chư Thiên, đã đi đến nhàn cảnh.

316. Ở tòa lâu đài nơi Thiên cung cao quý, làm thích ý, tôi có ánh sáng tự thân, được hầu cận bởi đám đông tiên nữ. Tập thể chư Thiên khiến cho tôi, người có tuổi thọ, đã đi đến cung điện của chư Thiên, được vui thích.”

Thiên cung Chiếc Ghế Dài.